

Bản án số: 489/2024/HNGĐ -ST
Ngày: 11-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Phước Mãng

2/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 170/2024/QĐST-HPT ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1987; địa chỉ: A tổ C ấp A xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: số C đường số D, Phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Minh K, sinh năm: 1985; Địa chỉ: B P, Phường C, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024, bản tự khai ngày 28/6/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Lê Minh K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B cấp ngày 11/8/2010. Sau khi về chung sống với nhau thì thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên sau khoảng một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Vợ chồng bà đã nhiều lần cố gắng nói chuyện, hòa giải với nhau nhằm giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp được. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trở nên căng thẳng. Đến năm 2015 thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà xác định bà và ông K không có con chung

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Minh K vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Minh K. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Về án phí: bà T nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh K nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Lê Minh K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay ông K vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Minh K có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 11/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp.

Theo như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim T thì khi về sống chung với nhau thì vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay .

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...*”. nhưng giữa vợ chồng bà T và ông K đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2015 cho đến nay thì cả hai đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K đến Tòa án để ghi nhận ý kiến và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông K đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông K cũng không còn tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Minh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Minh K là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: bà T khai bà T và ông K không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác..

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà T nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Minh K

Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 11/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B cấp cho bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Minh K không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: bà T xác định bà T và ông K không có con chung

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010036 ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn